

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~707~~ /CTBRV-TTHT
V/v chính sách thuế GTGT.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Công ty TNHH Metalic Việt Nam.
Địa chỉ: 143/2 Nguyễn Hữu Cánh, hường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu,
tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Mã số thuế: 3502345853.

Trả lời văn bản số 002/CV/MTL-CT ngày 15/01/2024 của Công ty TNHH Metalic Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) về việc chính sách thuế giá trị gia tăng (GTGT), Cục Thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

“11. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc đã chế biến thành sản phẩm khác nhưng tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên.

Tài nguyên, khoáng sản quy định tại khoản này là tài nguyên, khoáng sản có nguồn gốc trong nước gồm: Khoáng sản kim loại; khoáng sản không kim loại; dầu thô; khí thiên nhiên; khí than...

Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này.”;

Căn cứ Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ;

- Tại điểm c khoản 1 Điều 1 sửa đổi, bổ sung khoản 23 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT:

“c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 23 Điều 4 như sau:

“ ...

b) Việc xác định tỷ trọng trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành được thực hiện theo công thức:

Tỷ trọng trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm = (Trị giá tài nguyên, khoáng sản + chi phí năng lượng) / Tổng giá thành sản xuất sản phẩm x 100%

Trong đó:

Trị giá tài nguyên, khoáng sản là giá vốn tài nguyên, khoáng sản đưa vào chế biến; đối với tài nguyên, khoáng sản trực tiếp khai thác là chi phí trực tiếp, gián tiếp khai thác ra tài nguyên, khoáng sản; đối với tài nguyên, khoáng sản mua để chế biến là giá thực tế mua cộng chi phí đưa tài nguyên, khoáng sản vào chế biến.

Chi phí năng lượng gồm: nhiên liệu, điện năng, nhiệt năng.

Trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng được xác định theo giá trị ghi sổ kế toán phù hợp với Bảng tổng hợp tính giá thành sản phẩm.

Giá thành sản xuất sản phẩm bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Các chi phí gián tiếp như chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí tài chính và chi phí khác không được tính vào giá thành sản xuất sản phẩm.

Việc xác định trị giá tài nguyên, khoáng sản, chi phí năng lượng và giá thành sản xuất sản phẩm căn cứ vào quyết toán năm trước; trường hợp doanh nghiệp mới thành lập chưa có báo cáo quyết toán năm trước thì căn cứ vào phương án đầu tư.

... ”;

Căn cứ khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 01/02/2018, sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ (đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ) quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

“1. Khoản 11 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

11. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác.

Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên trừ các trường hợp sau:

...

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ nguyên liệu chính không phải là tài nguyên, khoáng sản (tài nguyên, khoáng sản đã chế biến thành sản phẩm khác) do cơ sở kinh doanh mua về chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến thành sản phẩm xuất khẩu thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật thuế giá trị gia tăng.

... ”;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 12 Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 của Quốc hội quy định:

“c) Đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này phải có hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hoá, cung ứng dịch vụ, hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ, chứng từ thanh toán qua ngân hàng, tờ khai hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu.

Việc thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu dưới hình thức thanh toán bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu, trả nợ thay Nhà nước được coi là thanh toán qua ngân hàng.”;

Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành về thuế giá trị gia tăng;

- Tại Điều 9 quy định thuế suất 0%:

“1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

...

2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

a) Đối với hàng hóa xuất khẩu:

- Có hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu; hợp đồng ủy thác xuất khẩu;

- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hóa xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;

- Có tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.

...”;

Tham chiếu công văn số 2198/TCT-CS ngày 04/06/2018 của Tổng cục Thuế hướng dẫn về thuế GTGT, trong đó có nội dung:

“Từ ngày 01/07/2016 đến trước 01/02/2018, chính sách thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính...

Từ ngày 01/02/2018, chính sách thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính.”.

Căn cứ các quy định trên:

- Từ ngày 01/07/2016 đến trước 01/02/2018, chính sách thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 100/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Từ ngày 01/02/2018, nếu sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ nguyên liệu chính không phải là tài nguyên, khoáng sản (tài nguyên, khoáng sản đã chế biến thành sản phẩm khác) do Công ty mua về chế biến thành sản phẩm xuất khẩu thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật thuế giá trị gia tăng, Nghị định số 146/2017/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan nêu trên. Nếu không đáp ứng các điều kiện theo quy định nêu trên thì không được áp dụng mức thuế suất 0%.

Cục Thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thông báo để Công ty TNHH Metalic Việt Nam được biết và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TTKT2;
- Phòng NVDTPC;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT. (4b)

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trần Hiệp Hưng